

CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐT VÀ PT ĐIỆN SÊ SAN 3A  
PHÒNG TỔNG HỢP

**BẢN TIN PHÁP LUẬT SỐ 02/2025**

Trong giai đoạn vừa qua, một số chính sách mới ban hành có hiệu lực liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và người lao động gồm: 01 Luật, 02 Nghị định và 02 Thông tư. Phòng Tổng hợp tóm tắt trích dẫn, đăng tải các văn bản trên để người lao động trong Công ty được biết, tham khảo, phục vụ công việc.

**DANH SÁCH VÀ NỘI DUNG ĐĂNG BÀI  
BẢN TIN PHÁP LUẬT**

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Hiệu lực văn bản
<b>Luật</b>			
01	Luật Điện lực của Quốc hội, số 61/2024/QH15, ngày 30/11/2024	30/11/2024	01/02/2025
<b>Nghị định</b>			
01	Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.	06/01/2025	06/01/2025
02	Nghị định số 155/2024/NĐ-CP ngày 10/12/2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn	10/12/2024	01/02/2025
<b>Thông tư</b>			
01	Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế	23/12/2024	06/02/2025
02	Thông tư số 15/2024/TT-BLĐTBXH ngày 31/12/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, liên tịch ban hành	31/12/2024	15/02/2025

**Tóm tắt và trích dẫn**

**I. Luật**

## *1. Luật Điện lực của Quốc hội, số 61/2024/QH15, ngày 30/11/2024*

Ngày 30/11/2024, Quốc hội thông qua Luật Điện lực 2024 gồm 6 nhóm chính sách lớn, được cấu trúc thành 09 Chương, 81 Điều.

### **Quy định về giá điện**

Theo đó, Mục 3 Chương V Luật Điện lực 2024 quy định các nội dung về giá điện và giá dịch vụ về điện, làm rõ căn cứ lập và điều chỉnh giá điện cũng như giá dịch vụ điện, cụ thể như sau:

#### - Về giá bán lẻ điện:

+ Giá bán lẻ điện do đơn vị bán lẻ điện xây dựng căn cứ chính sách giá điện, khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân, cơ chế điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân và cơ cấu biểu giá bán lẻ điện;

+ Giá bán lẻ điện được quy định chi tiết cho từng nhóm khách hàng sử dụng điện phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội từng thời kỳ và cấp độ thị trường điện cạnh tranh, bao gồm: sản xuất, kinh doanh, hành chính sự nghiệp, sinh hoạt. Giá bán lẻ điện theo thời gian sử dụng điện trong ngày được áp dụng đối với khách hàng sử dụng điện đủ điều kiện, bao gồm giá bán lẻ điện giờ cao điểm, thấp điểm và bình thường. Đối với nhóm khách hàng sử dụng điện phục vụ mục đích sinh hoạt, áp dụng giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc thang tăng dần đối với khách hàng chưa đủ điều kiện tham gia hoặc không tham gia mua bán điện trên thị trường điện cạnh tranh.

- Về giá bán buôn điện theo hợp đồng mua buôn điện: Do các đơn vị điện lực thỏa thuận quy định tại điểm e khoản 12 Điều 5 Luật Điện lực 2024

#### - Về thẩm quyền xây dựng, trình, phê duyệt, quyết định giá điện:

+ Chính phủ quy định cơ chế, thời gian điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân;

+ Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện và khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân;

+ Bộ Công Thương xây dựng, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quy định nội dung tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 50 Luật Điện lực 2024; trình Thủ tướng Chính phủ quyết định về giá bán điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo khu vực chưa nối lưới điện quốc gia, phù hợp với cấp độ thị trường điện cạnh tranh; lộ trình giảm bù chéo giá điện quy định tại khoản 12 Điều 5 Luật Điện lực 2024; lộ trình cải tiến cơ cấu biểu giá bán lẻ điện, bao gồm giá bán lẻ điện có nhiều thành phần mà trong đó có tối thiểu 02 thành phần như giá công suất, giá điện năng, giá cố định, giá biến đổi hoặc thành phần giá khác (nếu có) được áp dụng cho các nhóm khách hàng khi điều kiện kỹ thuật cho phép; cơ chế giá điện phù hợp cho các nhóm khách hàng sử dụng điện quy định tại khoản 12 Điều 5 Luật Điện lực 2024;

+ Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá bán buôn điện; phương pháp lập và trình tự, thủ tục phê duyệt khung giá bán buôn điện.

## **II. Nghị định**

*1. Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường*

### **Phân cấp UBND tỉnh thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường**

Theo đó, từ ngày 06/01/2025, phân cấp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường (nếu thuộc đối tượng cấp giấy phép môi trường) đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường (trừ dự án thuộc một trong các trường hợp: Nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên; nằm trên vùng biển chưa xác định trách nhiệm quản lý hành chính của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; có nguồn tiếp nhận nước thải là nguồn nước mặt liên tỉnh đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước) sau đây:

- Dự án đầu tư công không thuộc thẩm quyền quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, trừ dự án thực hiện dịch vụ tái chế, xử lý chất thải;

- Dự án chăn nuôi gia súc;

- Dự án đầu tư kinh doanh cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm;

- Dự án được phân loại chỉ theo tiêu chí có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên;

- Dự án được phân loại chỉ theo tiêu chí có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên, di sản thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, vùng đất ngập nước quan trọng, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, đất có rừng tự nhiên và không thuộc thẩm quyền quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ;

- Dự án đầu tư trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, không bao gồm: Dự án thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại; dự án có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất; dự án khác thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất lớn quy định tại cột (3) Phụ lục II Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; dự án đầu tư mở rộng của cơ sở đang hoạt động được miễn trừ đấu nối theo quy định của pháp luật có lưu lượng nước thải thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ trở lên;

+ Dự án thủy điện không thuộc thẩm quyền quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ.

2. Nghị định số 155/2024/NĐ-CP ngày 10/12/2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn

Dưới đây là một số nội dung chính:

**(1) Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn là 01 năm.**

**(2) Các hình thức và mức xử phạt hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn:**

- Hình thức xử phạt chính: Đối với mỗi hành vi vi phạm thì tổ chức, cá nhân vi phạm phải chịu hình thức xử phạt chính là phạt tiền. Mức phạt tiền tối đa đối với một hành vi là 50.000.000 đồng đối với cá nhân và 100.000.000 đồng đối với tổ chức.

- Hình thức xử phạt bổ sung:

+ Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn từ 01 tháng đến 12 tháng;

+ Tịch thu tang vật, phương tiện đã sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm.

**(3) Phạt tiền đến 40 triệu với một trong các hành vi vi phạm quy định về truyền, phát bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, cụ thể:**

- Không truyền, phát bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai khí tượng thủy văn;

- Gian lận về nguồn gốc bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai khí tượng thủy văn khi truyền, phát;

- Truyền, phát sai lệch bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai khí tượng thủy văn;

- Cố ý đưa tin sai lệch về hoạt động dự báo, cảnh báo thiên tai khí tượng thủy văn.

### **III. Thông tư**

1. Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế

Dưới đây là một số nội dung đáng chú ý:

**(1) Số định danh cá nhân được sử dụng thay cho mã số thuế cá nhân**

Theo đó, một trong những nội dung đáng chú ý tại Thông tư số 86/2024/TT-BTC (thay thế Thông tư số 105/2020/TT-BTC từ ngày 06/02/2025) quy định từ ngày 01/7/2025 mã số thuế dành cho hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân là mã số thuế do cơ quan thuế cấp đối với các trường hợp theo quy định; là số định danh cá nhân.

nhân do Bộ Công an cấp theo quy định của pháp luật về căn cước đối với trường hợp sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế theo quy định.

Số định danh cá nhân của công dân Việt Nam do Bộ Công an cấp theo quy định của pháp luật về căn cước là dãy số tự nhiên gồm 12 chữ số được sử dụng thay cho mã số thuế của người nộp thuế là cá nhân, người phụ thuộc quy định tại điểm k, l, n khoản 2 Điều 4 Thông tư số 86/2024/TT-BTC; đồng thời, số định danh cá nhân của người đại diện hộ gia đình, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh cũng được sử dụng thay cho mã số thuế của hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đó.

## **(2) 13 trường hợp phải thực hiện đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế**

Tại Điều 4 Thông tư số 86/2024/TT-BTC thì 13 đối tượng khi đăng ký thuế phải thực hiện đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế bao gồm:

- Doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực chuyên ngành không phải đăng ký doanh nghiệp qua cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

- Đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế của lực lượng vũ trang, tổ chức kinh tế của các tổ chức chính trị, chính trị-xã hội, xã hội, xã hội-nghề nghiệp hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật nhưng không phải đăng ký doanh nghiệp qua cơ quan đăng ký kinh doanh;

Tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua, bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu;

Văn phòng đại diện của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam; tổ hợp tác được thành lập và tổ chức hoạt động theo quy định tại Nghị định 77/2019/NĐ-CP nhưng không thuộc trường hợp đăng ký kinh doanh qua cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023.

- Tổ chức được thành lập bởi cơ quan có thẩm quyền không có hoạt động sản xuất, kinh doanh nhưng phát sinh nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

- Tổ chức, cá nhân nước ngoài và tổ chức ở Việt Nam sử dụng tiền viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại của nước ngoài mua hàng hóa, dịch vụ có thuế giá trị gia tăng ở Việt Nam để viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo;

Các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam thuộc đối tượng được hoàn thuế giá trị gia tăng đối với đối tượng hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao;

Chủ dự án ODA thuộc diện được hoàn thuế giá trị gia tăng, Văn phòng đại diện nhà tài trợ dự án ODA, tổ chức do phía nhà tài trợ nước ngoài chỉ định quản lý chương trình, dự án ODA không hoàn lại.

- Tổ chức nước ngoài không có tư cách pháp nhân tại Việt Nam, cá nhân nước ngoài hành nghề độc lập kinh doanh tại Việt Nam phù hợp với pháp luật Việt Nam có thu nhập phát sinh tại Việt Nam hoặc có phát sinh nghĩa vụ thuế tại Việt Nam.

2. *Thông tư số 15/2024/TT-BLĐTBXH ngày 31/12/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, liên tịch ban hành*

Theo đó, bãi bỏ toàn bộ 09 Thông tư về lao động - tiền lương gồm:

- Thông tư số 08/2013/TT-BLĐTBXH ngày 10/6/2013 hướng dẫn Nghị định số 46/2013/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về tranh chấp lao động.

- Thông tư số 30/2013/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2013 hướng dẫn Nghị định số 44/2013/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật lao động về hợp đồng lao động.

- Thông tư số 19/2014/TT-BLĐTBXH ngày 15/8/2014 hướng dẫn Nghị định số 27/2014/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về lao động là người giúp việc gia đình.

- Thông tư số 27/2014/TT-BLĐTBXH ngày 06/10/2014 hướng dẫn việc cơ quan quản lý nhà nước về lao động lấy ý kiến tổ chức đại diện người lao động, tổ chức đại diện người sử dụng lao động ở địa phương trong việc xây dựng chính sách, pháp luật về lao động và những vấn đề về quan hệ lao động.

- Thông tư số 23/2015/TT-BLĐTBXH ngày 23/6/2015 hướng dẫn thực hiện một số điều về tiền lương của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động.

- Thông tư số 29/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 hướng dẫn về thương lượng tập thể, thỏa ước lao động tập thể và giải quyết tranh chấp lao động quy định tại Nghị định số 05/2015/NĐ-CP định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động.

- Thông tư số 35/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016 hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động khi chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần theo Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/06/2015.

- Thông tư số 17/2018/TT-BLĐTBXH ngày 17/10/2018 quy định về tự kiểm tra việc thực hiện pháp luật lao động của doanh nghiệp.

- Thông tư số 20/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/11/2018 về việc hướng dẫn cơ chế phối hợp trong việc thực hiện thanh tra chuyên ngành lao động, an toàn, vệ sinh lao động vào ban đêm, ngoài giờ hành chính.

Biên tập viên: Lê Gia Lộc Sơn